

Số: /BC-SKHCHN

Sơn La, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III năm 2022

Thực hiện Công văn số 3981/SNV-CCHC&VTLT ngày 01/3/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2022.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2022, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong quý III/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp tục tổ chức triển khai lồng ghép các nội dung, các kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính tại cuộc họp giao ban tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của Sở... để cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành biết và thực hiện.

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022

- Căn cứ Kế hoạch số 33/KH-SKHCHN ngày 10/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 Quý III/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ (lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ (lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Báo cáo số 278/BC-SKHCHN ngày 28/6/2022 Công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng đầu năm nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022.

+ Báo cáo số 359/BC-SKHCHN ngày 30/8/2022 Kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2022.

+ Báo cáo số 352/BC-SKHCHN ngày 24/8/2022 Đánh giá kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2022; kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2023.

+ Báo cáo số 346/BC-SKHCN ngày 17/8/2022 Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ tháng 8 năm 2022.

+ Báo cáo số 341/BC-SKHCN ngày 18/8/2022 Kết quả thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư tháng 8 năm 2022; Kế hoạch công tác tháng 9 năm 2022.

+ Báo cáo số 310/BC-SKHCN ngày 21/7/2022 Kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022.

+ Báo cáo số 268/BC-SKHCN ngày 21/6/2022 Đánh giá kết quả việc giải quyết thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2022.

+ Báo cáo số 269/BC-SKHCN ngày 21/6/2022 Đánh giá kết quả việc giải quyết thủ tục hành chính quý II năm 2022.

+ Báo cáo số 240/BC-SKHCN ngày 14/6/2022 Kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở KH&CN 6 tháng đầu năm 2022.

3. Kết quả thực hiện công tác kiểm tra CCHC

Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-SKHCN ngày 26/8/2022 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 213/QĐ-SKHCN ngày 26/8/2022 về việc thành lập Tổ kiểm tra công vụ năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ; Thông báo lịch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ, thời gian thực hiện 02 ngày (từ ngày 20/9/2022 đến ngày 21/9/2022) đối với 02 đơn vị thuộc Sở (Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ).

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính luôn được Đảng ủy, tập thể lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Nội dung tuyên truyền cải cách hành chính như: Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/01/2021 Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2022; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 10/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2022.

- Đôn đốc chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022, tập chung tuyên truyền các nội dung về xây dựng chính quyền, CCHC, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng tuyên truyền các nội dung về cải thiện và nâng cao các chỉ số: Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX), thông tin kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ được cung cấp.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Trong kỳ báo cáo, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, cụ thể như sau:

- Báo cáo số 346/BC-SKHHCN ngày 17/8/2022 Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ tháng 8 năm 2022.

- Báo cáo số 309/BC-SKHHCN ngày 18/7/2022 Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ tháng 07 năm 2022.

- Báo cáo số 249/BC-SKHHCN ngày 16/6/2022 Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ 6 tháng đầu năm năm 2022.

- Báo cáo số 248/BC-SKHHCN ngày 16/6/2022 Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ Quý II năm 2022.

6. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. (đang đợi số liệu)

Từ ngày 09/6/2022 đến hết ngày 08/6/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã được giao 192 nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao 156 nhiệm vụ được hoàn thành đúng hạn và 36 nhiệm vụ đang thực hiện.

7. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả: Chưa thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong kỳ báo cáo, Sở khoa học và Công nghệ không tham mưu xây dựng dự thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các lĩnh vực có liên quan như: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ..vv.

+ Xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động xét tặng giải thưởng KH&CN.

+ Đã tiến hành kiểm tra một số đơn vị trong thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh xăng dầu và triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Kết quả cho thấy, về cơ bản các đơn vị tuân thủ nghiêm túc các quy định, tuy nhiên còn một số đơn vị chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định trong kinh doanh xăng dầu.

+ Trong kỳ báo cáo không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình thi hành pháp luật tại Sở KH&CN.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

+ Kịp thời tuyên truyền các quy định của pháp luật có liên quan đến các phòng, đơn vị và công chức, viên chức qua Phần mềm quản lý văn bản tỉnh Sơn La để nghiên cứu, triển khai áp dụng;

+ Gửi 01 tin bài để đăng tải lên Trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh Sơn La tại địa chỉ <http://pbgdpl.sonla.gov.vn/>.

+ Đăng tải các quy định trong lĩnh vực Khoa học công nghệ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La theo địa chỉ <https://sokhoahoc.sonla.gov.vn/> tại Mục “VĂN BẢN KH&CN” và mục “PHÁP LUẬT”;

+ Tổ chức 01 Hội nghị tuyên truyền phổ biến các quy định trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn toàn tỉnh Sơn La với sự tham dự của 53 doanh nghiệp và 57 lãnh đạo, công chức, viên chức các sở, ngành và UBND huyện.

- Thực hiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL: Hiện nay Sở Khoa học và Công nghệ đang tham mưu, trình cấp có thẩm quyền thực hiện các nội dung về trình tự ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Sở Khoa học và công nghệ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ 03 thủ tục hành chính theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 01 thủ tục hành chính theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 04/7/2022.

- Từ ngày 09/6/2022 đến hết ngày 07/9/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận 14 hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính, trong đó 10 hồ sơ trả trước hạn và 04 hồ sơ đang liên thông giải quyết theo quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Trong quý III/2022, Sở Khoa học và Công nghệ không nhận được phản ánh hoặc kiến nghị của tổ chức, cá nhân đền thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Trong kỳ báo cáo, Sở khoa học và Công nghệ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (qua Sở Nội vụ) ban hành Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La; Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn, sắp xếp Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh.

- Thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-SNV ngày 06/01/2022 của Sở Nội vụ về việc giao số lượng, cơ cấu ngạch công chức chuyên ngành theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức của HĐND, UBND năm 2022, theo đó Sở Khoa học và Công nghệ được giao 32 biên chế. Tính đến ngày 07/9/2022 Sở đang quản lý và sử dụng 32 số biên chế được giao.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Quý III/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã bổ nhiệm 01 vị trí giám đốc Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ theo Quyết định 146/QĐ-SKHHCN ngày 10/6/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý, điều động 01 công chức Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sang phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ) theo Quyết định 215/QĐ-SKHHCN ngày 05/9/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Về việc điều động công chức; Giả quyết chế độ nghỉ việc đối với 01 công chức theo Quyết định số 207/QĐ-SKHHCN ngày 26/8/2022 của giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho thôi việc đối với công chức theo đúng quy định pháp luật hiện hành; thực hiện tuyển dụng 03 viên chức (thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng) theo đúng quy định pháp luật về tuyển dụng viên chức.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Trong kỳ báo cáo, Sở Khoa học và Công nghệ không có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị hành chính thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005. Các khoản chi tiêu được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 14/QĐ-SKHHCN ngày 11/01/2022. Đơn vị đã chủ động cân đối nguồn kinh phí được giao phục vụ các hoạt động chung của cơ quan. Các nội dung chi, mức chi thực hiện theo đúng quy định của nhà nước được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Việc quản lý, sử dụng và bảo quản tài sản công được công chức và người lao động trong Sở thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch trong các hoạt động của cơ quan, nâng cao ý thức giữ gìn và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả theo quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

- Đến thời điểm báo cáo, đối với 02 đơn vị trực thuộc Sở đã thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo đúng kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành điện tử iOffice của tỉnh tạo thuận lợi trong việc trao đổi, xử lý thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm; Ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ công tác hàng ngày như nghiên cứu, tìm hiểu thông tin nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước liên quan đến

công tác chuyên môn. Đa dạng hóa hình thức tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, trong đó tập trung triển khai thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4. Tiếp tục thực hiện rà soát TTHC để tiết kiệm thời gian và chi phí cho tổ chức và cá nhân.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan: 100% cán bộ công chức, viên chức được cấp tài khoản điện tử, sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành. Khai thác, ứng dụng và quản lý hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trong hoạt động của cơ quan; phần mềm quản lý văn bản liên thông giữa UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong công tác CCHC, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện hiệu quả công tác CCHC tại cơ quan tạo những chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thường xuyên được rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, góp phần giải quyết nhu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, thuận lợi.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Việc tiếp nhận hồ sơ TTHC qua dịch vụ Bru chính công ích chưa cao.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trực tuyến ở mức độ 3, 4 so với danh mục TTHC đăng ký còn thấp.

3. Nguyên nhân

Do cơ cấu nền kinh tế đặc thù tại tỉnh Sơn La là tỉnh miền núi thuận lợi phát triển nền kinh tế nông nghiệp. do đó việc phát sinh thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý khoa học và công nghệ còn nhiều hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 (KH số 33/KH-SKHHCN ngày 10/01/2022 của Sở).

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 (KH số 220/KH-SKHHCN ngày 17/02/2022).

3. Thông báo thời gian, địa điểm, thành phần tham gia đối thoại trực tiếp giữa Giám đốc Sở với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở theo Kế hoạch tổ chức đối thoại trực tiếp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính lần 2 (theo Kế hoạch số 57/KH-SKHHCN ngày 12/01/2022) khi có yêu cầu.

4. Thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

5. Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu các nội dung về cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới thông tin khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ đối với 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (*Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH-CN*).

7. Rà soát, phối hợp tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng luật đã ban hành theo kế hoạch.

8. Kịp thời cập nhật, trình ban hành bổ sung danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết từ Bộ Khoa học và Công nghệ (*nếu có*).

9. Tiếp tục tham mưu kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ toàn ngành gắn với thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022. Thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ công chức, viên chức có chất lượng theo giai đoạn.

10. Đôn đốc chỉ đạo thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý sử dụng tài sản tại cơ quan, đơn vị theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Thực hiện nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong việc điều hành, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

12. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và mail công vụ trong hoạt động của cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

13. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Sơn La, bưu điện tỉnh trong tiếp nhận và trả hồ sơ TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý III/2022. Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Tập thể lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT; VP, Ha (03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Duy Hoàng

Phụ lục I
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SKH^{HCN} ngày /9/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản		
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	0	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
3	Tự kiểm tra CCHC			
3.1	Số cơ quan, đơn vị đề ra trong kế hoạch tự kiểm tra.	Cơ quan, đơn vị	02	
3.2	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	192	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	156	

4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Tuyên truyền CCHC			
5.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.3	Số lượng tin/bài tuyên truyền đã đăng tải trên Cổng/Trang TTĐT	Tin/bài	05	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số VBQPPL¹ đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
2.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
3.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	04	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	41	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	02	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
2.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
2.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>10</i>	
3.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>10</i>	
3.2.	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra	Tổng số văn bản xin	0/0	

	trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC được công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	lỗi theo quy định/tổng số hồ TTHC trễ hẹn		
3.3.	Số cuộc tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	Cuộc/người tham gia	0/0	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.5.	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Số ban quản lý trực thuộc	Ban	0	
1.3	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	02	
1.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	33,3	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	32	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	29	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	03	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,11	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	25	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	40,47	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	02	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	02	
1.3	Số cơ quan, tổ chức trực thuộc có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	04	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)	Người		
3.1	Số lãnh đạo quản lý cấp sở	Người	0	
3.2	Số lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc sở, ngành và tương đương	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
4.1	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	

4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số ĐVSN công lập <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	02	
2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	
3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	01	
4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	01	
4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	01	
5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

TT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	%	100	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	%	100	
Trong đó	Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh dưới dạng điện tử	%	100	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
3.3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		100	
	Sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống		100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	

4.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	23	
4.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	22	
4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	18	
4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	18	
4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	04	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	%	41	
4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	41	
4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục	41	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	30	
4.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	30	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến		0	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	03	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	
5	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính			

	công ích			
5.1	Số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	TTHC/KQ giải quyết	01/10	
5.2	Số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	01	
5.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%	100	